

TỜ TRÌNH

**Về việc xin hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng
công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Lệ Xá đoạn từ
máng cấp 1 trạm bơm Tiêu Hồ đi ra Đồng Giới B**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên;
- Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lữ.

- Căn cứ Luật Xây số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ

trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Trong những năm qua với sự quan tâm của tỉnh và huyện, xã Lê Xá được đầu tư xây dựng các công trình phục vụ đời sống nhân dân, thúc đẩy kinh tế phát triển. Hệ thống giao thông trong xã đã được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác nhau, thông qua nhiều chương trình, nhiều dự án mạng lưới đường giao thông nông thôn trong xã đã được cải thiện đáng kể.

Để phục vụ tốt giao thông đi lại, tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế của xã phát triển nhanh, toàn diện rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự xã hội, an ninh quốc phòng được giữ vững. Đồng thời hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. UBND xã Lê Xá kính trình UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên, UBND huyện Tiên Lữ hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Lê Xá đoạn từ máng cấp 1 trạm bơm Tiêu Hồ đi ra Đồng Giới B với các nội dung sau:

1. Sự cần thiết đầu tư: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Lê Xá đoạn từ máng cấp 1 trạm bơm Tiêu Hồ đi ra Đồng Giới B có mặt đường hiện trạng là đường đất, Bmặt = 3,0m-3,5m qua thời gian dài khai thác mặt đường đã xuất hiện các vị trí hư hỏng nặng, ổ gà vào mùa mưa lầy lội ảnh hưởng đến việc đi lại của bà con nhân dân. Để nâng cao tiêu chí nông thôn mới, đặc biệt đáp ứng được nhu cầu giao thông hiện tại và tương lai, việc đầu tư: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Lê Xá đoạn từ máng cấp 1 trạm bơm Tiêu Hồ đi ra Đồng Giới B là cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu đầu tư và phạm vi nghiên cứu:

- **Mục tiêu:** Đầu tư sửa chữa tuyến đường đảm bảo việc lưu thông hàng hóa và phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của huyện Tiên Lữ; từng bước hoàn thiện quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Tổng chiều dài tuyến khoảng L= 300m. Có điểm đầu từ máng cấp 1 trạm bơm Tiêu Hồ, điểm cuối đến Đồng Giới B.

3. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Lê Xá đoạn từ máng cấp 1 trạm bơm Tiêu Hồ đi ra Đồng Giới B.

4. Địa điểm xây dựng: xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

5. Chủ đầu tư: Ủy Ban nhân dân xã Lê Xá.

6. Quy mô và các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Quy mô:

- Dự kiến đầu tư cải tạo, nâng cấp với quy mô đầu tư như sau:

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV;
- Cấp đường: Đường GTNT cấp B;
- Tốc độ tính toán: $V_{tt} = 20\text{km/h}$;
- Tải trọng trục tính toán $P=6T$;
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông xi măng mác 250 đá 2x4.

6.2. Giải pháp thiết kế:

a. Bình đồ tuyến: Tim tuyến và hướng tuyến cơ bản bám theo tim đường hiện tại, có điều chỉnh cải tạo lại một số đường cong và một số đoạn chưa phù hợp với quy mô tuyến để đảm bảo tính êm thuận và hạn chế giải phóng mặt bằng. tuyến có chiều dài khoảng 300m.

b. Trắc dọc: Trên cơ sở cao độ mặt đường hiện trạng thiết kế cao độ mặt đường đảm bảo chiều dày kết cấu mặt đường và đảm bảo êm thuận. Vuốt nối các điểm đầu tuyến, cuối tuyến và các đường ngang đảm bảo tầm nhìn và xe chạy êm thuận, an toàn.

c. Trắc ngang:

- Chiều rộng mặt đường: Căn cứ theo mặt đường hiện trạng, hạn chế giải phóng mặt bằng $B_m = 3,0\text{m}$ đến $3,5\text{m}$; dốc ngang mặt đường $i=2\%$;

- Chiều rộng lề đất: $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$; dốc ngang lề đường 4% ;

- Chiều rộng nền đường $B_n = 3,5\text{m} - 4,0\text{m}$;

- Độ dốc mái taluy đắp $1/1,5$; mái taluy đào $1/1,0$.

(Một số đoạn có mặt bằng khó khăn, thiết kế theo hiện trạng).

- Dự kiến kết cấu trên mặt đường như sau:

- + Kết cấu trên mặt đường cũ: Mặt đường đất;

- + Dự kiến kết cấu trên mặt đường mới: Mặt đường bê tông xi măng mác 250 đá 2x4, dưới là lớp cát vàng tạo phẳng, móng CPĐD loại II, móng cát đen đầm chặt $K = 0,98$, móng cát đen đầm chặt $K = 0,95$ (nếu có).

d. Hệ thống thoát nước: Thoát nước dọc, ngang được thiết kế phù hợp với quy mô cấp đường, có thỏa thuận với địa phương và các bên có liên quan.

e. Hệ thống an toàn giao thông: Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.

f. Kè mái taluy: Gia cố mái taluy phạm vi lấn mương, ao sâu (nếu cần thiết).

7. Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp.

8. Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.280.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng ./.)

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2025.

11. Giải phóng mặt bằng: UBND xã Lệ Xá cam kết tự giải phóng mặt bằng, đảm bảo bàn giao đủ mặt bằng sạch để thi công xây dựng công trình theo quy mô thiết kế được duyệt.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lữ quan tâm, giúp đỡ để UBND xã Lệ Xá sớm hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn. UBND xã Lệ Xá cam kết sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ để đầu tư xây dựng công trình nêu trên đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

Ủy ban nhân dân xã Lệ Xá trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Diệp

BẢNG KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021)

Hưng Yên, ngày tháng 8 năm 2024

CÔNG TRÌNH: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Lê Xá đoạn từ máng cấp 1 trạm bơm Tiêu Hồ đi ra Đồng Giới B

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				954,572,279	95,457,228	1,050,030,000	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				954,572,279	95,457,228	1,050,030,000	
1.1.1	Xây dựng công trình		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	954,572,279	95,457,228	1,050,029,507	
2	Chi phí quản lý dự án	3.024%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	28,866,266		28,866,000	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				110,141,230	11,014,123	121,155,000	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát địa hình				15,716,557	1,571,656	17,288,000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	5.4%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	51,546,903	5,154,690	56,702,000	
3.3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Bảng 2.16 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0.17%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2,000,000	200,000	2,200,000	
3.4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Bảng 2.17 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0.166%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2,000,000	200,000	2,200,000	
3.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0.346%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	3,302,820	330,282	3,633,000	

3.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3.203%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	30,574,950	3,057,495	33,632,000	
3.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	0.1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	2,000,000	200,000	2,200,000	
3.8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 24/2024/NĐ-CP)	0.1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3,000,000	300,000	3,300,000	
4	Chi phí khác				19,399,756	1,525,176	20,925,000	Gk
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP)	0.25%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2,386,431	238,643	2,625,000	
4.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0.019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500,000		500,000	
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0.57%	0.5	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	3,648,000		3,648,000	
4.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0.96%		Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	12,288,000	1,228,800	13,517,000	
4.5	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	15%		Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật x tỷ lệ	577,325	57,733	635,000	
5	Chi phí dự phòng						59,024,000	Gdp
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	4.6%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			59,024,000	
	Tổng cộng				1,112,979,531	107,996,527	1,280,000,000	Gxdct
	Làm tròn						1,280,000,000	
Bảng chữ: Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng./.								